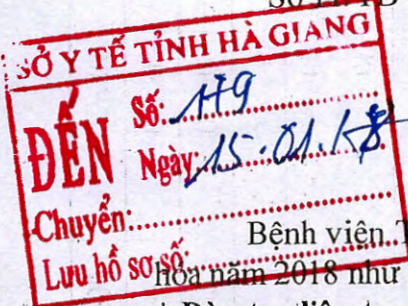


Số 11/TB-BV

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 01 năm 2018



THÔNG BÁO

Về việc tổ chức đào tạo liên tục xã hội hóa năm 2018

Kính gửi: Các đơn vị y tế.

Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên thông báo về việc tổ chức đào tạo liên tục xã hội hóa năm 2018 như sau:

*** Đào tạo liên tục theo lớp**

- Danh mục đào tạo, đối tượng, thời gian khai giảng, định mức kinh phí: Phụ lục I;
- Hình thức học tập:
 - + Tập trung, liên tục (học lý thuyết và thực hành liên tục).
 - + Tập trung, không liên tục (học lý thuyết tập trung, học thực hành không liên tục trong đó thời gian học thực hành cho phép tối đa gấp 2 lần tổng thời gian khóa học).
- Địa điểm đào tạo: Tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên hoặc tại đơn vị nếu đơn vị có nhu cầu và có đủ điều kiện để tổ chức đào tạo.
- Không giới hạn thời gian đăng ký học viên.

*** Đào tạo khác**

- Đào tạo chuyển giao kỹ thuật trọn gói: Đảm bảo cho đơn vị nhận chuyển giao kỹ thuật có thể độc lập thực hiện kỹ thuật; (Pha 1 đào tạo tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Pha 2 CGKT tại cơ sở)
- Đào tạo cầm tay chỉ việc: Áp dụng trong những trường hợp số học viên đăng ký theo lớp không đủ hoặc học viên không chờ được lớp; Thực hành lâm sàng sau tốt nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Đào tạo theo yêu cầu cụ thể khác của đơn vị, cá nhân.

Danh sách đăng ký học viên ở các nội dung xin được thông báo qua Email hoặc FAX và gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ: Trung tâm Đào tạo và Chỉ đạo tuyến - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, số 479 - đường Lương Ngọc Quyến - TP Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Thông báo này được đăng tải trên trang Website Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên tại địa chỉ: Bvtuthainguyen.gov.vn.

*** Hồ sơ nhập học của học viên gồm:**

- + Sơ yếu lý lịch (có xác nhận địa phương) nếu là học viên tự do hoặc quyết định cử đi học của đơn vị nếu do đơn vị cử đi học;
- + Bằng chuyên môn photo có công chứng;
- + 01 ảnh thẻ kích thước 3x4;
- + Chứng minh thư photo công chứng;

Chi tiết xin liên hệ với BSCKII Đặng Hoàng Nga - Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyến hoặc CN Nguyễn Việt Hương, chuyên viên Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyến - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

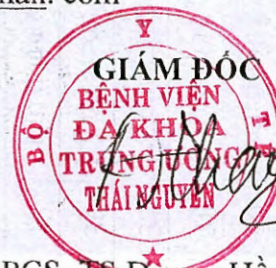
ĐD: - BSCKII Đặng Hoàng Nga: 0912.004.887

- CN Nguyễn Việt Hương: 0986.519.002

CD: 02083.659.033; Email: Chidaotuyen.bvdkutn@gmail.com

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Các khoa, phòng, trung tâm (để phối hợp thực hiện);
- Lưu VT, TTĐT & CĐT.



PGS. TS Dương Hồng Thái

DANH MỤC CÁC KHÓA ĐÀO TẠO LIÊN TỤC XÃ HỘI HÓA TỔ CHỨC NĂM 2018

I. Đào tạo liên tục theo lớp

Stt	Tên khóa đào tạo	Thời gian	Đối tượng học viên	Kinh phí/khóa (Đồng)		Hình thức chứng nhận
				Phí đào tạo	Phí vật tư, hóa chất	
1	Trợ thủ nha khoa	06 tháng	BS, ĐD, KTV, y sỹ	10.000.000	1.200.000	Chứng chỉ
2	Điều dưỡng RHM cơ bản	06 tháng	ĐD, y sỹ	10.000.000	1.200.000	Chứng chỉ
3	Chẩn đoán và điều trị 1 số bệnh RHM thông thường	06 tháng	BSĐK	10.000.000	1.200.000	Chứng chỉ
4	Gây mê hồi sức cơ bản	06 tháng	BS ĐK	10.000.000	300.000	Chứng chỉ
5	Kỹ thuật chụp, đọc CT cơ bản	3 tháng	BS, KTV chẩn đoán hình ảnh	10.000.000	150.000	Chứng chỉ
6	Nội soi chẩn đoán bệnh lý đại tràng	03 tháng	Bác sỹ ĐK	10.000.000	150.000	Chứng chỉ
7	Kỹ thuật siêu âm Doppler tim cơ bản	03 tháng	BS ĐK (Đã có chứng chỉ SÂTQ)	10.000.000	150.000	Chứng chỉ
8	KT siêu âm Doppler mạch máu	03 tháng	BS ĐK (Đã có chứng chỉ SÂTQ)	10.000.000	150.000	Chứng chỉ
9	Kỹ thuật siêu âm Sản phụ khoa cơ bản	03 tháng	BSĐK, CK Sản	7.500.000	150.000	Chứng chỉ
10	Cấp cứu cơ bản	03 tháng	BSĐK	7.500.000	150.000	Chứng chỉ
11	KT Thận nhân tạo	03 tháng	BSĐK, ĐDDK, KTV, Y sỹ ĐK	7.500.000	150.000	Chứng chỉ
12	KT Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	3 tháng	BS đã có chứng chỉ PTNS cơ bản	7.500.000	150.000	Chứng chỉ
13	KT Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	3 tháng	BS đã có chứng chỉ PTNS cơ bản	7.500.000	150.000	Chứng chỉ
14	KT Phẫu thuật thay khớp háng	3 tháng	BSĐK	7.500.000	150.000	Chứng chỉ
15	KT Phẫu thuật nội soi khớp gối	3 tháng	BSĐK	7.500.000	150.000	Chứng chỉ
16	KT Phẫu thuật lấy máy tụ nội sọ	3 tháng	BSĐK	7.500.000	150.000	Chứng chỉ
17	Kỹ thuật chụp, đọc cộng hưởng từ cơ bản	2 tháng	BS, BS KTV chẩn đoán hình ảnh	7.000.000	1.00.000	Chứng chỉ
18	Kỹ thuật XN hóa sinh cơ bản	03 tháng	BS, ĐD, KTV, y sỹ, Dược sỹ, CN Sinh	6.000.000	2.000.000	Chứng chỉ

19	KTXN Huyết học và truyền máu cơ bản	03 tháng	BS, ĐD, KTV, y sỹ	6.000.000	1.500.000	Chứng chỉ
20	Kỹ thuật xét nghiệm Vi sinh cơ bản	03 tháng	BS, ĐD, KTV, y sỹ	6.000.000	1.500.000	Chứng chỉ
21	Kỹ thuật kéo nắn bó bột cơ bản	03 tháng	BSĐK, ĐD, y sỹ, KTV	6.000.000	1.000.000	Chứng chỉ
22	Kỹ thuật siêu âm ổ bụng	03 tháng	BS	6.000.000	150.000	Chứng chỉ
23	Kỹ thuật nội soi tai mũi họng	03 tháng	BSĐK	6.000.000	150.000	Chứng chỉ
24	Kỹ thuật chụp và đọc phim XQ cơ bản số hóa	03 tháng	BSĐK	6.000.000	150.000	Chứng chỉ
25	Điều dưỡng gây mê hồi sức cơ bản	03 tháng	ĐD đa khoa, y sỹ ĐK	6.000.000	150.000	Chứng chỉ
26	Kỹ thuật nội soi dạ dày, tá tràng chẩn đoán	03 tháng	BSĐK	6.000.000	150.000	Chứng chỉ
27	Hộ sinh nâng cao	03 tháng	Hộ sinh sau tốt nghiệp	6.000.000	150.000	Chứng chỉ
28	Điều dưỡng Hồi sức cấp cứu cơ bản	03 tháng	ĐD, y sỹ	6.000.000	150.000	Chứng chỉ
29	Kỹ thuật dụng cụ mổ mở	03 tháng	ĐDDK, Y sỹ ĐK (1 năm làm việc tại phòng mổ trở lên)	6.000.000	150.000	Chứng chỉ
30	Kỹ thuật dụng cụ mổ nội soi	03 tháng	ĐDDK, Y sỹ ĐK đã có chứng chỉ KT dụng cụ mổ mở	6.000.000	150.000	Chứng chỉ
31	Khám và điều trị 1 số bệnh Mắt thông thường	3 tháng	BSĐK	6.000.000	150.000	Chứng chỉ
32	Vận hành, sử dụng một số kỹ thuật trên ghế máy răng cho tuyến xã	2 tháng	Bác sỹ, ĐD, KTV, y sỹ	6.000.000	100.000	Chứng chỉ
33	Kỹ thuật XN mô bệnh học cơ bản	3 tháng	BS, KTV	6.000.000	500.000	Chứng chỉ
34	Chẩn đoán phôi đồ tế bào âm đạo – cổ tử cung.	3 tháng	Bác sĩ	6.000.000	500.000	Chứng chỉ
35	Chẩn đoán tế bào học các bệnh lý tuyến vú	3 tháng	Bác sĩ	6.000.000	500.000	Chứng chỉ
36	Kỹ thuật xét nghiệm tế bào học cơ bản	3 tháng	BS, KTV	6.000.000	500.000	Chứng chỉ
37	Kỹ thuật chụp phim XQ cơ bản số hóa	03 tháng	ĐD, KTV, y sỹ	5.000.000	550.000	Chứng chỉ
38	Điều dưỡng Nội khoa cơ bản	3 tháng	ĐD, y sỹ	5.000.000	150.000	Chứng chỉ
39	Điều dưỡng chuyên ngành truyền nhiễm cơ bản	3 tháng	ĐD, y sỹ	5.000.000	150.000	Chứng chỉ
40	Điều dưỡng chuyên ngành TMH cơ bản	3 tháng	ĐD, y sỹ	5.000.000	150.000	Chứng chỉ
41	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt cơ bản	3 tháng	ĐD, y sỹ	5.000.000	150.000	Chứng chỉ
42	Điều dưỡng Ngoại khoa cơ bản	03 tháng	ĐD ĐK, y sỹ	5.000.000	150.000	Chứng chỉ

43	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	03 tháng	BS, ĐD, KTV, y sỹ	5.000.000	150.000	Chứng chỉ
44	Điều dưỡng Nhi khoa cơ bản	03 tháng	ĐD ĐK, y sỹ	5.000.000	150.000	Chứng chỉ
45	Thực hành Dược lâm sàng trong bệnh viện	1,5 tháng	Dược sỹ đại học	5.000.000	50.000	Chứng chỉ
46	VLTL và PHCN cơ bản	03 tháng	Bác sỹ, ĐD, KTV, y sỹ	5.000.000	150.000	Chứng chỉ
47	Kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch Marker sàng lọc ung thư sớm	01 tháng	BS, ĐD, KTV, y sỹ, Dược sỹ, CN Sinh	5.000.000	2.000.000	Chứng chỉ
48	KT nội soi hậu môn trực tràng chẩn đoán	1,5 tháng	BSĐK	5.000.000	150.000	Chứng chỉ
49	Kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch hormon	01 tháng	BS, ĐD, KTV, y sỹ, Dược sỹ, CN Sinh	4.000.000	2.000.000	Chứng chỉ
50	Kỹ thuật XN sàng lọc trước sinh qua máu mẹ	01 tháng	BS	4.000.000	1.500.000	Chứng chỉ
51	Kỹ thuật châm cứu & xoa bóp bấm huyệt cơ bản	02 tháng	BS, ĐD, KTV, YS, khác	4.000.000	200.000	Chứng chỉ
52	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý Tâm thần	02 tháng	BSĐK	4.000.000	200.000	Chứng chỉ
53	Kỹ thuật xét nghiệm ELIZA	1 tháng	BSXN, KTV XN, CN CN sinh học	4.000.000	2.500.000	Chứng chỉ
54	Kỹ thuật đông máu cơ bản trên máy tự động	1 tháng	BSXN, KTV XN, CN CN sinh học	3.500.000	1.500.000	Chứng chỉ
55	Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản	1,5 tháng	BS	3.500.000	150.000	Chứng chỉ
56	Chẩn đoán tế bào học các bệnh lý tuyến vú nâng cao	01 tháng	Bác sĩ GPB	3.000.000	500.000	Chứng chỉ
57	Kỹ thuật ghi và đọc điện não cơ bản	1,5 tháng	BSĐK	3.500.000	150.000	Chứng chỉ
58	Kỹ thuật XN sàng lọc trước sinh qua máu mẹ	01 tháng	KTV	3.000.000	1.500.000	Chứng chỉ
59	KTXN Tổng phân tích tế bào máu, nhóm máu cơ bản, máu lắng và TS-TC	01 tháng	BS, ĐD, KTV, y sỹ, Dược sỹ, CN Sinh	3.000.000	1.000.000	Chứng chỉ
60	Chẩn đoán phiên đồ tế bào âm đạo – cổ tử cung nâng cao	01 tháng	Bác sĩ GPB	3.000.000	500.000	Chứng chỉ
61	Kỹ thuật nhuộm soi- soi tươi	01 tháng	BS, ĐD, KTV, y sỹ, CN sinh học	3.000.000	1.000.000	Chứng chỉ
62	Kiểm soát chất lượng xét nghiệm Sinh hóa	5 ngày	BS, ĐD, KTV, y sỹ, CN Sinh	2.000.000	800.000	Chứng chỉ
63	Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán bằng test nhanh	02 tuần	BS, ĐD, KTV, y sỹ, Dược sỹ, CN Sinh	2.000.000	1.000.000	Chứng chỉ
64	Kỹ thuật phản ứng hòa hợp trên gel card trong phát chế phẩm máu	1 tháng	BSXN, KTV XN, CN CN sinh học	2.000.000	1.000.000	Chứng chỉ
65	Kỹ thuật xét nghiệm kháng thể kháng nhân (ANA, ds- DNA)	2 tuần	BS nội khoa, XN, da liễu, , KTV xét nghiệm	2.000.000	1.000.000	Chứng chỉ

66	Chẩn đoán hình ảnh cơ xương khớp số hóa	3 tuần	BS, BS KTV chẩn đoán hình ảnh	2.000.000	250.000	Chứng chỉ
67	Kỹ thuật ghi điện tâm đồ	01 tháng	ĐD, KTV, y sỹ	2.000.000	100.000	Chứng chỉ
68	Trợ giúp nội soi dạ dày - tá tràng	01 tháng	ĐD, KTV, y sỹ	2.000.000	100.000	Chứng chỉ
69	Kỹ thuật ghi điện não	01 tháng	ĐD, KTV, y sỹ	2.000.000	100.000	Chứng chỉ
70	Trợ giúp nội soi trực tràng (đại tràng)	01 tháng	ĐD, KTV, y sỹ	2.000.000	100.000	Chứng chỉ
71	Chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp	01 tháng	Bác sỹ	2.000.000	50.000	Chứng chỉ
72	Chẩn đoán, điều trị và quản lý người bệnh Đái tháo đường	1 tháng	BSĐK	2.000.000	50.000	Chứng chỉ
73	Chăm sóc người bệnh Đái tháo đường	1 tháng	ĐD, y sỹ	2.000.000	50.000	Chứng chỉ
74	Trợ giúp nội soi TMH	1 tháng	ĐD ĐK, y sỹ	2.000.000	50.000	Chứng chỉ
75	Chẩn đoán hình ảnh các bệnh lý cấp cứu	10 ngày	BS, BS KTV chẩn đoán hình ảnh	1.800.000	250.000	Chứng chỉ
76	Chẩn đoán hình ảnh thần kinh nâng cao số hóa	10 ngày	BS, BS KTV chẩn đoán hình ảnh	1.800.000	250.000	Chứng chỉ
77	Đảm bảo chất lượng xét nghiệm Huyết học	1 tuần	BSXN, KTV XN, CN CN sinh học	1.000.000	200.000	Chứng chỉ
78	Chẩn đoán hình ảnh Hô hấp nâng cao số hóa	2 tuần	BS, BS KTV chẩn đoán hình ảnh	1.500.000	250.000	Chứng chỉ
79	Chẩn đoán hình ảnh tiêu hóa nâng cao số hóa	2 tuần	BS, BS KTV chẩn đoán hình ảnh	1.500.000	250.000	Chứng chỉ
80	Chẩn đoán hình ảnh tiết niệu nâng cao số hóa	2 tuần	BS, BS KTV chẩn đoán hình ảnh	1.500.000	250.000	Chứng chỉ
81	Chẩn đoán hình ảnh tim mạch nâng cao số hóa	1 tuần	BS, BS KTV chẩn đoán hình ảnh	1.000.000	250.000	Chứng chỉ
82	Chẩn đoán hình ảnh đầu cổ nâng cao số hóa	1 tuần	BS, BS KTV chẩn đoán hình ảnh	1.000.000	250.000	Chứng chỉ
83	Một số kỹ thuật XN sinh hóa, huyết học trên máy bán tự động và máy nước tiểu 11 thông số	10 ngày	Bác sỹ, ĐD, KTV, y sỹ	Căn cứ theo số lượng học viên		Chứng chỉ
84	Đo & đọc kết quả đo chức năng hô hấp	05 ngày	BS, ĐD, KTV, YS			
85	Bồi dưỡng kiến thức Dược lâm sàng cho bác sỹ	05 ngày	Bác sỹ lâm sàng			
86	Đo và đọc kết quả đo lưu huyết não	05 ngày	BS, ĐD, KTV, YS			
87	Kỹ năng giao tiếp với người bệnh	03 ngày	Nhân viên y tế			
88	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh ung thư thường gặp	03 ngày	BS			
89	Chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp	3 ngày	Bác sỹ			

II. Đào tạo liên tục khác

Stt	Nội dung	Thời gian (Tháng)	Đối tượng học viên	Thời gian khai giảng dự kiến	Kinh phí (Đồng/tháng)		Hình thức chứng nhận
					Phí đào tạo	Phí vật tư, hóa chất, khác	
1	Đào tạo chuyển giao kỹ thuật theo gói	Theo Đề cương CGKT được phê duyệt	Các đối tượng có nhu cầu	-	Căn cứ dự toán được phê duyệt		Chứng chỉ
2	Đào tạo kèm cặp						
2.1	Không đủ HV tổ chức theo lớp hoặc do không chờ được lớp	Như đào tạo theo lớp					Chứng chỉ
2.2	Thực hành lâm sàng sau tốt nghiệp	3 tháng đầu	Các đối tượng có nhu cầu	-	1.500.000đ	50.000đ	Giấy chứng nhận cấp cuối đợt
		Từ tháng T4-T9	Các đối tượng có nhu cầu	-	500.000đ		
		Từ tháng T10 trở đi	Các đối tượng có nhu cầu	-	-		
2.3	Nội dung học theo yêu cầu cụ thể của học viên	Do lãnh đạo khoa và TTĐT quyết định	Các đối tượng Có nhu cầu	-	$\geq 2.000.000đ^*$	Căn cứ nội dung học tập cụ thể	Giấy chứng nhận
3	Thực tập tốt nghiệp	Theo nhu cầu HV	Mọi đối tượng không thuộc HĐ đào tạo với BV	-	500.000 đ	Căn cứ nội dung học tập cụ thể	Giấy chứng nhận
4	Đào tạo lại các trường hợp đã được cấp GCN tại BVTWTN	Theo nhu cầu	Phải đăng ký học lại đủ thời gian như 1 khóa học bình thường (Thời gian từ năm 2012 đến nay)		1.000.000 đ		Chứng chỉ

* Ghi chú:

- Ký hiệu (*) ở mục 2.3: Mức thu cụ thể được căn cứ vào yêu cầu học tập của học viên để quyết định;
- Đối với các khóa đào tạo tại cơ sở thì mức thu kinh phí/khóa học sẽ bao gồm kinh phí tính theo tổng số lượng học viên và các chi phí phục vụ khảo sát, đi lại, công tác phí và các chi phí phát sinh khác (có dự toán chi tiết và thông báo cho cơ sở trước khi tổ chức đào tạo).